

TT	SBD	Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9					Điểm		Kết quả điểm bài thi					Ghi chú				
		Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh					H L	H TB	VA	TO	TB	TA	M	UT	K	K	Ngữ văn			Toán		Tiếng Anh	
																			Số	Bảng chữ		Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ
1	261001	AN	AN	AN	Bùi An An	06/12/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,5	7,1	5,8	7,4	0,5		5,0	Nghị định	47,5	Đạt yêu cầu	4,2	Đạt yêu cầu	DTTS		
2	261002	AN	AN	AN	Quách An An	29/08/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	TB	5,0	5,6	5,1	6,1	0,5		4,5	Bảng chữ	42,5	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
3	261003	AN	AN	AN	Lê Thị An	22/09/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,5	7,0	6,1	7,4	0,5		6,5	Số	37,5	Đạt yêu cầu	4,6	Đạt yêu cầu	DTTS		
4	261004	AN	AN	AN	Lê Duy Anh	29/10/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	7,9	8,4	7,1	7,8	0,5		6,5	Đạt yêu cầu	5,5	Nghị định	3,4	Đạt yêu cầu	DTTS		
5	261005	AN	AN	AN	Lê Hữu Đức Anh	16/08/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	6,6	5,4	5,5	5,8			6,0	Số	32,5	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
6	261006	AN	AN	AN	Lê Đức Anh	25/09/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5,7	5,3	5,3	6,1	0,5		5,0	Nghị định	0,75	Không đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
7	261007	AN	AN	AN	Nguyễn Đức Anh	29/05/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	7,9	8,0	7,6	7,5			7,25	Đạt yêu cầu	6,5	Số	4,2	Đạt yêu cầu	DTTS		
8	261008	AN	AN	AN	Nguyễn Lý Gia Anh	12/07/2009	Nam	THCS Thương Ninh	K	TB	4,7	5,1	5,1	5,6	0,5		3,5	Đạt yêu cầu	0,25	Không đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
9	261009	AN	AN	AN	Lê Văn Hải Anh	01/03/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5,8	5,6	6,0	6,2	0,5		6,0	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
10	261010	AN	AN	AN	Nguyễn Lê Hà Anh	18/08/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	G	8,3	9,0	9,0	8,8			8,0	Đạt yêu cầu	7,0	Đạt yêu cầu	7,6	Đạt yêu cầu	DTTS		
11	261011	AN	AN	AN	Lê Thị Hà Anh	12/12/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,4	6,8	6,7	7,3	0,5		7,0	Đạt yêu cầu	3,0	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
12	261012	AN	AN	AN	Nguyễn Hoàng Anh	22/03/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	6,2	7,4	6,5	6,9	0,5		6,0	Số	37,5	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
13	261013	AN	AN	AN	Lương Thị Kim Anh	20/05/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	TB	6,9	5,4	5,6	6,4	0,5		5,5	Nghị định	4,0	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
14	261014	AN	AN	AN	Phạm Lê Lan Anh	28/11/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,4	7,0	7,5	7,3	0,5		6,5	Đạt yêu cầu	3,0	Đạt yêu cầu	4,2	Đạt yêu cầu	DTTS		
15	261015	AN	AN	AN	Vì Thị Lan Anh	01/01/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,5	6,5	6,0	6,8	0,5		6,5	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
16	261016	AN	AN	AN	Vì Thị Lan Anh	25/01/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,6	5,7	6,6	6,7	0,5		5,0	Nghị định	4,0	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
17	261017	AN	AN	AN	Đàm Thị Mai Anh	08/09/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,3	7,6	6,3	7,7			6,5	Số	37,5	Đạt yêu cầu	4,0	Đạt yêu cầu	DTTS		
18	261018	AN	AN	AN	Lê Thị Mai Anh	13/04/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,1	6,5	7,0	6,8	0,5		5,5	Nghị định	2,75	Đạt yêu cầu	2,2	Đạt yêu cầu	DTTS		
19	261019	AN	AN	AN	Lê Ngọc Anh	04/08/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,1	7,3	6,8	7,4	0,5		6,5	Số	37,5	Đạt yêu cầu	4,2	Đạt yêu cầu	DTTS		
20	261020	AN	AN	AN	Hà Nhật Anh	24/11/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	6,6	6,6	7,4	7,0	0,5		7,0	Đạt yêu cầu	3,5	Đạt yêu cầu	4,4	Đạt yêu cầu	DTTS		
21	261021	AN	AN	AN	Kim Nhật Anh	26/04/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5,3	5,4	5,8	5,8	0,5		4,5	Nghị định	4,5	Đạt yêu cầu	4,6	Đạt yêu cầu	DTTS		
22	261022	AN	AN	AN	Nguyễn Phương Anh	30/07/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	G	7,8	8,8	8,6	8,7			9,25	Đạt yêu cầu	6,0	Đạt yêu cầu	7,6	Đạt yêu cầu	DTTS		
23	261023	AN	AN	AN	Nguyễn Đăng Quang Anh	20/04/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5,6	5,2	5,4	5,8	0,5		3,75	Đạt yêu cầu	0,5	Nghị định	4,8	Đạt yêu cầu	DTTS		
24	261024	AN	AN	AN	Bồ Quốc Anh	05/09/2009	Nam	THCS Thương Ninh	K	TB	6,8	6,4	6,0	6,3	0,5		5,5	Nghị định	0,5	Nghị định	4,6	Đạt yêu cầu	DTTS		

Danh sách có: 24 thí sinh.

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 05, năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT NHƯ XUÂN

PHÓ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT NHƯ XUÂN

Có 02 TS sau chưa đủ hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261005, 261019
Có TS sau chưa đủ hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261023
Có TS sau chưa đủ hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261024
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Vũ Văn Hùng
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Nguyễn Văn Hùng

Chủ tịch Hội đồng coi thi

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 05, năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Môn thi	VA	TO	TA
Số bài	1	1	1
Số điểm	1	1	1

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội phách lên điểm:

Có 02 TS sau chưa đủ hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261005, 261019

Chủ tịch Hội đồng chấm thi

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 05, năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT NHƯ XUÂN

PHÓ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT NHƯ XUÂN

TT	SBD	Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Người văn	Toán	Tiếng Anh					H	H	TB	TB	TB	TB	UT	K	K	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh			
																		Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ		
1	261025	Anh	Anh	Anh	Nguyễn Quỳnh Anh	14/07/2009	Nữ	TH&THCS Yên Lễ	T	K	7,7	8,6	7,5	7,9	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,0	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
2	261026	Anh	Anh	Anh	Lê Thị Quỳnh Anh	03/04/2009	Nữ	THCS Yên Cát	K	K	6,1	6,7	7,0	7,1		4,5	Điểm tổng hợp	6,0	Sau bài	3,8	Điểm	Điểm	DTTS		
3	261027	Anh	Anh	Anh	Vũ Quỳnh Anh	22/01/2009	Nữ	THCS Thanh Phong	T	K	6,5	6,2	6,3	6,7	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	5,5	Nhau	3,0	Điểm	Điểm	DTTS		
4	261028	Anh	Anh	Anh	Lê Tâm Anh	10/07/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	TB	5,9	6,0	6,8	6,4	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	5,5	Nhau	3,0	Điểm	Điểm	DTTS		
5	261029	Anh	Anh	Anh	Lương Tuấn Anh	10/01/2009	Nam	THCS Cán Khê	K	TB	5,3	5,4	5,9	5,9	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	5,5	Nhau	3,0	Điểm	Điểm	DTTS		
6	261030	Anh	Anh	Anh	Lê Phạm Văn Anh	13/02/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	7,8	8,8	7,2	8,1	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
7	261031	Anh	Anh	Anh	Lê Việt Anh	05/04/2009	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	K	7,2	7,0	6,3	7,1	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
8	261032	Anh	Anh	Anh	Nguyễn Việt Anh	12/01/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	7,3	6,4	5,5	6,9		4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
9	261033	Anh	Anh	Anh	Nguyễn Việt Anh	23/05/2009	Nam	TH&THCS Tân Bình	K	TB	5,1	4,6	5,4	5,2	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
10	261034	Anh	Anh	Anh	Lê Nguyễn Việt Anh	05/09/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	7,1	6,7	7,0	7,5	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
11	261035	Anh	Anh	Anh	Lê Thị Hồng Anh	18/12/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	6,5	6,2	6,7	7,1	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
12	261036	Anh	Anh	Anh	Ngô Thị Hồng Anh	10/05/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	7,8	8,0	7,4	8,3		4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
13	261037	Anh	Anh	Anh	Kim Ngọc Anh	14/10/2009	Nữ	TH&THCS Thanh Hoà	T	K	6,3	6,9	6,6	7,3	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
14	261038	Anh	Anh	Anh	Hà Thị Ngọc Anh	19/10/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,8	6,7	5,6	7,2	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
15	261039	Anh	Anh	Anh	Quách Văn Văn Bách	20/05/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	6,1	5,2	5,1	5,9	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
16	261040	Anh	Anh	Anh	Lê Đoàn Duy Bảo	28/09/2009	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5,7	5,7	5,3	6,1		4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
17	261041	Anh	Anh	Anh	Hà Đại Bảo	25/01/2009	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	K	6,8	7,0	6,2	6,8	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
18	261042	Anh	Anh	Anh	Lê Đình Gia Bảo	25/10/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	K	5,3	6,7	6,1	6,5	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
19	261043	Anh	Anh	Anh	Phạm Gia Bảo	25/11/2009	Nam	THCS Các Sơn	T	TB	5,0	5,0	5,0	5,2		4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
20	261044	Anh	Anh	Anh	Nguyễn Hoàng Bảo	01/02/2009	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	K	6,9	7,5	6,2	7,3		4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
21	261045	Anh	Anh	Anh	Phạm Thiên Bảo	11/07/2009	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	6,0	6,4	5,8	6,5	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
22	261046	Anh	Anh	Anh	Nguyễn Xuân Bảo	21/10/2009	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5,4	5,3	5,2	5,5		4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
23	261047	Anh	Anh	Anh	Lương Ngọc Bá	21/10/2009	Nam	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5,1	5,0	5,8	5,5	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	
24	261048	Anh	Anh	Anh	Lê Đình Bắc	29/07/2009	Nam	THCS Yên Cát	K	TB	6,3	6,3	6,4	6,9	0,5	4,5	Điểm tổng hợp	6,5	Sau bài	5,8	Nhau	Điểm	Điểm	DTTS	

HỘI ĐỒNG CỎI THI

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 05 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Có... TS của chính quyền địa phương về các SBD.
Có... TS của chính quyền địa phương về các SBD.
Cán bộ kiểm tra bài số 1: ...
Cán bộ kiểm tra bài số 2: ...

Môn thi	VA	TO	TA
Số	...	...	...
Số	...	...	...

Tổ hội pháp lên điểm:
Có... TS của chính quyền địa phương về các SBD.

- Cán bộ đọc điểm: ...
- Cán bộ kiểm soát điểm: ...
- Cán bộ ghi điểm: ...
- Cán bộ kiểm soát ghi: ...



TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TT	SBD	Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi				Ghi chú
		Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh					H	H	TB	TB	TB	TB	UT	K	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh		
																	K	L	VA	TO	TA	M	
1	261049	Bà	Bà	Bà	Hà Khánh Bằng	15/10/2009	Nữ	TH&THCS Tân Bình	T	TB	6,5	5,1	6,1	6,2	0,5		73,5	Bảng chữ	3,5	Bảng chữ	2,4	Bảng chữ	DTTS
2	261050	Bà	Bà	Bà	Lê Hân Bằng	12/07/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	6,9	5,9	5,1	6,2	0,5		55,5	Bảng chữ	3,0	Bảng chữ	3,6	Bảng chữ	DTTS
3	261051	Bà	Bà	Bà	Lê Văn Bình	20/04/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	5,9	6,4	6,7	6,8	0,5		5,0	Bảng chữ	3,0	Bảng chữ	4,6	Bảng chữ	DTTS
4	261052	Bà	Bà	Bà	Lê Hà Châm	27/11/2009	Nữ	TH&THCS Xuân Quý	T	TB	6,6	5,1	6,4	6,3	0,5		6,0	Bảng chữ	3,0	Bảng chữ	3,0	Bảng chữ	DTTS
5	261053	Bà	Bà	Bà	Hà Diệu Chi	10/10/2009	Nữ	TH&THCS Tân Bình	T	K	7,4	6,2	6,0	7,2	0,5		7,0	Bảng chữ	3,5	Bảng chữ	3,2	Bảng chữ	DTTS
6	261054	Bà	Bà	Bà	Trịnh Kim Chi	04/07/2009	Nữ	TH&THCS Yên Lê	T	K	6,9	7,7	6,3	7,3	0,5		5,5	Bảng chữ	3,5	Bảng chữ	4,6	Bảng chữ	Con DTTS
7	261055	Bà	Bà	Bà	Lê Lan Chi	01/11/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6,9	7,0	8,1	7,2	0,5		6,5	Bảng chữ	4,0	Bảng chữ	3,2	Bảng chữ	DTTS
8	261056	Bà	Bà	Bà	Lưu Thị Linh Chi	07/11/2009	Nữ	TH&THCS Cát Tân	T	TB	5,3	6,3	5,7	6,4	0,5		5,5	Bảng chữ	4,0	Bảng chữ	4,8	Bảng chữ	DTTS
9	261057	Bà	Bà	Bà	Vũ Thị Thảo Chi	01/06/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7,6	6,9	6,8	7,4			4,5	Bảng chữ	3,5	Bảng chữ	4,2	Bảng chữ	DTTS
10	261058	Bà	Bà	Bà	Nguyễn Lê Thuý Chi	17/08/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	6,7	7,0	7,0	7,3			6,5	Bảng chữ	4,5	Bảng chữ	4,0	Bảng chữ	DTTS
11	261059	Bà	Bà	Bà	Trịnh Tú Chi	20/09/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7,9	6,8	6,0	7,2	0,5		7,0	Bảng chữ	4,5	Bảng chữ	4,2	Bảng chữ	DTTS
12	261060	Bà	Bà	Bà	Nguyễn Yên Chi	14/02/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7,2	6,9	6,7	7,2			4,0	Bảng chữ	4,5	Bảng chữ	4,4	Bảng chữ	DTTS
13	261061	Bà	Bà	Bà	Lê Đình Minh Chiến	12/09/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,6	5,2	5,0	5,9	0,5		4,5	Bảng chữ	4,5	Bảng chữ	4,2	Bảng chữ	DTTS
14	261062	Bà	Bà	Bà	Bùi Văn Công	06/06/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,8	6,1	5,5	6,2	0,5		5,5	Bảng chữ	4,0	Bảng chữ	4,2	Bảng chữ	DTTS
15	261063	Bà	Bà	Bà	Hoàng Văn Cường	15/10/2009	Nam	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5,3	5,1	5,7	5,7			5,5	Bảng chữ	4,0	Bảng chữ	4,2	Bảng chữ	DTTS
16	261064	Bà	Bà	Bà	Hoàng Thị Diễm	24/08/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,9	6,1	5,9	7,0			6,5	Bảng chữ	4,0	Bảng chữ	4,2	Bảng chữ	DTTS
17	261065	Bà	Bà	Bà	Lê Nhân Tuấn Diệp	06/11/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,5	5,7	5,2	6,1	0,5		4,5	Bảng chữ	4,5	Bảng chữ	4,0	Bảng chữ	DTTS
18	261066	Bà	Bà	Bà	Bùi Thị Ngọc Diệu	27/12/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,1	6,9	5,8	7,5	0,5		6,0	Bảng chữ	3,0	Bảng chữ	4,4	Bảng chữ	DTTS
19	261067	Bà	Bà	Bà	Lê Thị Huyền Diệu	01/05/2009	Nữ	TH&THCS Cát Tân	T	TB	6,4	6,3	5,6	6,7			3,0	Bảng chữ	3,5	Bảng chữ	2,2	Bảng chữ	DTTS
20	261068	Bà	Bà	Bà	Lê Thị Huyền Diệu	26/07/2009	Nữ	TH&THCS Yên Lê	T	K	8,0	7,7	6,9	7,9	0,5		4,5	Bảng chữ	4,0	Bảng chữ	4,6	Bảng chữ	DTTS
21	261069	Bà	Bà	Bà	Lê Đình Duyên	16/09/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5,2	5,0	6,1	5,7	0,5		3,5	Bảng chữ	3,0	Bảng chữ	4,6	Bảng chữ	DTTS
22	261070	Bà	Bà	Bà	Quách Thị Dung	02/06/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,5	6,2	6,0	7,1	0,5		5,5	Bảng chữ	4,5	Bảng chữ	3,6	Bảng chữ	DTTS
23	261071	Bà	Bà	Bà	Lê Trung Hưng Dũng	08/01/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	6,3	5,6	6,1	6,2			6,5	Bảng chữ	4,0	Bảng chữ	4,6	Bảng chữ	DTTS
24	261072	Bà	Bà	Bà	Phan Nguyễn Tân Dũng	01/10/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,4	5,9	5,6	6,2	0,5		5,5	Bảng chữ	4,5	Bảng chữ	4,8	Bảng chữ	DTTS

Danh sách có 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 1 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



HỘI ĐỒNG COI THI

Có 01 TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD:

Có 01 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có 01 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Nguyễn Thị Thu

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Nguyễn Thị Thu

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 3: Nguyễn Thị Thu

Chức vụ Hội đồng coi thi

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tô hời phát hiện điểm:

Có 01 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Nguyễn Thị Thu

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Nguyễn Thị Thu

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 3: Nguyễn Thị Thu

Chức vụ Hội đồng chấm thi

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Người viết	Toàn	Tiếng Anh					Điểm						Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh						
									H	H	TB	TB	TB	TB	UT	K	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ			
1	261073	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Bùi Văn Dũng	17/02/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	4.8	5.5	5.5	6.1	0.5		43.5	Hai bài làm	32.5	Ba bài làm	41.4	Một lần	DTTS		
2	261074	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Lê Văn Dũng	05/08/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	6.7	6.3	5.4	7.0	0.5		5.5	Nắm vững	4.0	Bài tập	2.8	Thi tập	DTTS		
3	261075	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Lương Văn Dũng	20/09/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	5.1	5.5	5.6	5.4	0.5		5.0	Nắm vững	4.5	Thi bài làm	2.4	Thi tập	DTTS		
4	261076	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Nguyễn Văn Dũng	20/11/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5.8	5.8	5.4	6.4	0.5		5.0	Nắm vững	4.5	Bài tập làm	4.6	Một lần	DTTS		
5	261077	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Ngân Thị Anh Dương	17/03/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6.5	6.6	6.2	7.1	0.5		6.0	Sau tập	4.5	Bài tập	2.4	Thi tập	DTTS		
6	261078	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Lê Bá Hải Dương	16/06/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	G	8.1	8.7	8.7	8.5	0.5		7.5	Nắm vững	5.5	Nắm vững	5.4	Đảm đủ	DTTS		
7	261079	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Nguyễn Ngọc Dương	08/10/2009	Nam	THCS Xuân Khang	K	TB	5.6	6.3	5.3	5.7			5.5	Nắm vững	4.5	Bài tập	2.6	Thi tập	DTTS		
8	261080	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Lê Thị Thuý Dương	18/04/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	6.5	6.2	5.9	6.6			4.5	Bài tập	4.0	Bài tập	2.6	Thi tập	DTTS		
9	261081	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Hồ Việt Lê Duy	23/01/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	6.0	6.1	5.6	6.7			5.5	Nắm vững	4.5	Bài tập làm	4.4	Một lần	DTTS		
10	261082	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Lô Thái Duy	15/05/2009	Nam	THCS Xuân Quý	T	TB	6.0	4.8	5.3	6.0	0.5		5.0	Nắm vững	4.5	Bài tập	2.4	Thi tập	DTTS		
11	261083	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Vũ Văn Duy	16/02/2009	Nam	THCS Thương Ninh	K	TB	5.6	5.4	5.8	6.4			4.0	Bài tập	4.5	Bài tập làm	4.4	Thi tập	DTTS		
12	261084	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Nguyễn Xuân Duy	31/07/2009	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	K	7.0	7.0	6.8	7.4			6.0	Sau tập	5.5	Nắm vững	5.4	Bài tập	DTTS		
13	261085	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Nguyễn Thị Duyên	11/08/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6.5	6.5	6.2	6.6			6.0	Sau tập	4.0	Bài tập	4.6	Một lần	DTTS		
14	261086	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Lâm Hữu Đại	04/05/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5.7	5.2	5.5	5.5			4.5	Bài tập	3.5	Bài tập làm	2.0	Thi tập	DTTS		
15	261087	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Lê Ngọc Đại	31/01/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	5.4	5.6	5.5	6.1	0.5		4.5	Bài tập	3.5	Bài tập làm	4.4	Một lần	DTTS		
16	261088	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Nguyễn Văn Đại	25/04/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.9	6.5	6.2	6.9			5.5	Nắm vững	5.5	Nắm vững	5.8	Bài tập	DTTS		
17	261089	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Hà Văn Đan	18/03/2009	Nam	THCS Bình Lương	T	K	6.8	7.1	6.1	6.8	0.5		4.5	Bài tập	4.5	Bài tập làm	5.0	Bài tập	DTTS		
18	261090	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Phạm Quang Đan	30/08/2009	Nam	THCS Tân Bình	T	TB	5.4	4.8	5.4	5.4	0.5		4.0	Bài tập	3.5	Bài tập	2.8	Thi tập	DTTS		
19	261091	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Trần Sỹ Đạt	30/03/2009	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	K	6.5	5.7	7.0	6.5	0.5		5.0	Nắm vững	3.5	Bài tập	3.0	Bài tập	DTTS		
20	261092	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Hoàng Thành Đạt	23/12/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	7.4	7.0	6.6	7.5	0.5		6.5	Sau tập	5.5	Nắm vững	5.0	Nắm vững	DTTS		
21	261093	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Lê Bá Đạt	20/08/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	6.2	6.0	5.4	6.3	0.5		4.5	Bài tập làm	4.5	Thi tập	4.6	Một lần	DTTS		
22	261094	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Trần Sỹ Đạt	25/04/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.5	5.7	5.9	6.6	0.5		4.0	Bài tập	4.5	Bài tập làm	2.0	Thi tập	DTTS		
23	261095	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Trương Thành Đạt	25/01/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5.1	5.2	6.6	5.9			5.0	Nắm vững	5.0	Bài tập	2.2	Thi tập	DTTS		
24	261096	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Đặng Đình Dũng	Trịnh Hồng Hải Đăng	27/07/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	G	8.1	9.7	7.9	8.4			7.0	Bài tập	9.0	Bài tập	8.4	Tam lần	DTTS		

Danh sách cử: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG TRƯỞNG
Đoàn Tuyển Sinh

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội pháp chế điểm:

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Cổ: TS của chưa đủ số dự thi thuộc về các SBD.

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Đoàn Tuyển Sinh

TT	SBD	Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9						Điểm	Kết quả điểm bài thi				Ghi chú				
		Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh					H	L	VA	TO	TA	M		UT	K	Ngữ văn			Toán		Tiếng Anh	
																		Số	Bảng chữ		Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ
1	261097	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Lê Huy Hải Đăng	19/04/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	6,6	6,7	7,1	6,5			5,2	Nhân thân	5,5	Nhân thân	1,8	Nhân thân	ĐTTT	
2	261098	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Lương Hải Đăng	27/08/2009	Nam	THCS Xuân Khang	T	TB	5,0	5,2	5,3	5,3	0,5		4,5	Bên ngoài	4,0	Thi theo	1,2	Nhân thân	ĐTTT	
3	261099	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Nguyễn Hải Đăng	09/12/2009	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5,4	5,8	5,5	5,7	0,5		3,0	Bên thân	4,5	Thi theo	2,0	Thi theo	ĐTTT	
4	261100	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Nguyễn Hữu Đăng	22/07/2009	Nam	TH&THCS Xuân Quý	T	TB	6,1	5,2	5,7	6,3			6,0	Sau thân	4,5	Đỗ theo	2,2	Thi theo	ĐTTT	
5	261101	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Bùi Minh Đăng	18/08/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	G	7,4	8,3	7,1	8,0			4,5	Bên ngoài	4,5	Bên ngoài	5,0	Nhân thân	ĐTTT	
6	261102	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Phạm Hoàng Đức	19/09/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	5,6	5,8	5,9	6,2			4,5	Bên ngoài	3,5	Bên ngoài	2,6	Thi theo	ĐTTT	
7	261103	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Lương Khắc Đức	22/05/2009	Nam	TH&THCS Xuân Quý	K	TB	5,5	4,1	5,4	5,7			5,5	Nhân thân	5,0	Thi theo	0,8	Không thi	ĐTTT	
8	261104	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Lê Minh Đức	02/08/2009	Nam	TH&THCS Bình Lương	T	G	8,8	6,7	8,3	8,0	0,5		9,0	Chưa thi	3,5	Bên ngoài	1,6	Đỗ theo	ĐTTT	
9	261105	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Tân Việt Đức	13/10/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6,9	6,1	6,0	6,7			5,5	Nhân thân	3,5	Bên ngoài	3,8	Bên ngoài	ĐTTT	
10	261106	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Hồ Phước Phú Gia	31/08/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6,9	7,0	6,5	7,1			6,5	Sau thân	3,5	Thi theo	3,4	Bên ngoài	ĐTTT	
11	261107	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Hà Giang	05/11/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	G	9,0	8,3	7,2	8,3			8,5	Tam thân	4,5	Bên ngoài	3,8	Bên ngoài	ĐTTT	
12	261108	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Nguyễn Thị Hà Giang	26/03/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,8	5,7	5,5	6,9	0,5		6,5	Sau thân	3,5	Thi theo	2,6	Thi theo	ĐTTT	
13	261109	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Đoàn Hải	21/12/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	6,2	6,1	5,4	6,7			5,5	Nhân thân	3,5	Thi theo	5,2	Nhân thân	ĐTTT	
14	261110	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Vi Trọng Hải	28/09/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5,6	5,9	5,8	6,6	0,5		5,5	Nhân thân	4,0	Bên ngoài	2,2	Thi theo	ĐTTT	
15	261111	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Phạm Tuấn Hải	04/12/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5,9	5,4	5,7	6,0	0,5		6,0	Sau thân	5,0	Thi theo	2,4	Thi theo	ĐTTT	
16	261112	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Lê Văn Hải	31/08/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,4	5,9	7,0	6,3	0,5		5,0	Nhân thân	1,0	Nhân thân	2,4	Thi theo	ĐTTT	
17	261113	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Hoàng Ngân Hà	16/03/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	8,5	8,7	7,0	8,2			8,5	Tam thân	5,5	Nhân thân	6,9	Sau thân	ĐTTT	
18	261114	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Lê Thanh Hà	08/07/2009	Nữ	TH&THCS Bình Lương	T	K	7,4	6,5	6,8	7,3	0,5		7,0	Bên thân	3,5	Bên ngoài	2,0	Thi theo	ĐTTT	
19	261115	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Quách Thanh Hà	27/01/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,9	5,8	6,3	7,1	0,5		6,5	Sau thân	3,5	Thi theo	2,0	Thi theo	ĐTTT	
20	261116	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Nguyễn Thị Hà	19/10/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,6	6,4	5,7	6,9			7,0	Bên thân	3,5	Thi theo	2,8	Thi theo	ĐTTT	
21	261117	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Hoàng Thu Hà	09/11/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	9,0	8,6	7,3	8,5			9,0	Chưa thi	4,5	Bên ngoài	6,6	Sau thân	ĐTTT	
22	261118	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Nguyễn Thị Thu Hà	06/01/2009	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	K	7,1	7,1	5,5	7,0	0,5		6,0	Sau thân	3,5	Thi theo	2,4	Thi theo	ĐTTT	
23	261119	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Nguyễn Thị Thu Hà	17/09/2009	Nữ	THCS Yên Cát	K	K	6,6	6,7	6,4	7,2	0,5		6,5	Sau thân	3,0	Bên ngoài	4,0	Bên ngoài	ĐTTT	
24	261120	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Đỗ Thị Ngọc	Nguyễn Thị Thu Hà	06/11/2009	Nữ	THCS Xuân Hoà	T	K	7,8	6,2	5,2	7,0			7,0	Bên thân	3,5	Bên ngoài	2,8	Thi theo	ĐTTT	

Danh sách có: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG COI THI

Có... TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD.

Có... TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD.

Có... TS sửa chữa điểm khuyến khích thuộc về các SBD.

Cán bộ kiểm tra hồ sơ: ...

Cán bộ kiểm tra hồ sơ: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội phân tích điểm:

Có... TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD.

Có... TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD.

Cán bộ kiểm tra điểm: ...

Cán bộ kiểm tra điểm: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát điểm: ...

3. Cán bộ ghi điểm: ...

4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...

Chức vụ: ...

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Cán bộ đọc điểm: ...

2. Cán bộ kiểm soát

TT	SBD	Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú			
		Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh					H					Điểm					Ngữ văn			Toán				Tiếng Anh		
									H	H	VA	TB	TO	TA	TB	UT	K	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số		Bảng chữ		
1	261121	Hà Văn	Hà	Hà	Lương Văn Hà	23/04/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5.3	5.1	5.1	6.0	0.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	DTTS			
2	261122	Hàng Thị Bích Hằng	Hàng	Hàng	Lê Thị Bích Hằng	06/07/2009	Nữ	THCS&THCS Cát Tân	T	TB	5.5	5.5	6.4	6.0	0.5	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	DTTS			
3	261123	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lê Thị Diễm Hằng	17/06/2009	Nữ	THCS&THCS Bình Lương	T	TB	5.4	5.3	6.2	6.3		4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	DTTS			
4	261124	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Hoàng Thị Hằng	09/09/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	TB	6.4	6.0	6.1	6.6		5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	DTTS			
5	261125	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lê Thị Hằng	03/11/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	TB	5.4	5.7	5.7	6.2	0.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	DTTS			
6	261126	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lê Đàm Thu Hằng	24/11/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	TB	6.5	5.9	5.2	6.2	0.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	DTTS			
7	261127	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lương Thị Thuý Hằng	13/04/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6.5	6.8	6.1	7.2	0.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	DTTS			
8	261128	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lê Ngọc Hà	10/10/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	7.0	6.7	7.2	7.2	0.5	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	DTTS			
9	261129	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Bùi Khánh Hân	04/08/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7.1	5.6	6.1	7.5	0.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	DTTS			
10	261130	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lô Thị Hân	19/11/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	8.5	6.5	6.5	7.2	0.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	DTTS			
11	261131	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Nguyễn Minh Hiền	11/08/2009	Nam	THCS Yên Cát	K	K	7.4	7.5	6.3	7.7		6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	DTTS			
12	261132	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lê Văn Hiệp	20/01/2009	Nam	THCS&THCS Bình Lương	T	K	6.4	6.9	6.5	6.7		6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	DTTS			
13	261133	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Phạm Văn Hiệp	23/01/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	5.3	5.7	5.2	5.7	0.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	DTTS			
14	261134	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Phùng Đình Hiền	30/03/2009	Nam	THCS&THCS Bình Lương	T	TB	6.1	6.3	5.6	6.2	0.5	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	DTTS			
15	261135	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lê Minh Hiền	29/07/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.7	6.3	5.8	6.6		6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	DTTS			
16	261136	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Chu Ngọc Hiền	20/01/2009	Nam	THCS&THCS Tân Bình	T	K	6.6	6.1	6.4	6.9		6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	DTTS			
17	261137	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Hoàng Thanh Hiền	20/06/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	6.2	6.5	6.2	6.8		5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	DTTS			
18	261138	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Vũ Trung Hiền	04/04/2009	Nam	THCS&THCS Tân Bình	T	TB	6.7	5.7	6.5	6.4	0.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	DTTS			
19	261139	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Vũ Thị Hoa	18/02/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6.5	6.4	7.3	7.1	0.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	DTTS			
20	261140	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lê Thị Hoài	29/07/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	6.5	5.6	6.1	6.6	0.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	DTTS			
21	261141	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Lê Văn Mạnh Hoàng	01/08/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	6.1	5.9	7.0	6.1	0.5	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	DTTS			
22	261142	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Nguyễn Phi Hoàng	24/10/2009	Nam	THCS&THCS Bình Lương	T	G	8.5	9.8	8.2	8.7		5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	DTTS			
23	261143	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Nguyễn Văn Hoàng	15/06/2009	Nam	THCS&THCS Cát Tân	T	K	7.0	8.8	6.8	7.9		6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	DTTS			
24	261144	Hàng Thị Hằng	Hàng	Hàng	Vũ Văn Hoàng	31/08/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	6.7	6.2	6.2	7.0	0.5	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	DTTS			

Danh sách coi: 24 thí sinh.

HỘI ĐỒNG COI THI

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Có 01 TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261133
Có 02 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 03 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 04 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 05 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 06 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 07 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 08 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 09 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 10 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 11 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 12 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 13 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 14 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 15 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 16 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 17 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 18 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 19 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 20 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 21 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 22 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 23 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133
Có 24 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 261133

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 06 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng coi thi

Họ tên	VA	TO	TA
Số 1	0	0	0
Số 2	0	0	0
Số 3	0	0	0
Số 4	0	0	0
Số 5	0	0	0
Số 6	0	0	0
Số 7	0	0	0
Số 8	0	0	0
Số 9	0	0	0
Số 10	0	0	0
Số 11	0	0	0
Số 12	0	0	0
Số 13	0	0	0
Số 14	0	0	0
Số 15	0	0	0
Số 16	0	0	0
Số 17	0	0	0
Số 18	0	0	0
Số 19	0	0	0
Số 20	0	0	0
Số 21	0	0	0
Số 22	0	0	0
Số 23	0	0	0
Số 24	0	0	0

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội chấm thi gồm:

Có 01 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD: 261133

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 06 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng chấm thi



1. Cán bộ đọc điểm: Nguyễn Văn Hoàng
2. Cán bộ kiểm soát: Nguyễn Văn Hoàng
3. Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Hoàng
4. Cán bộ kiểm soát ghi: Nguyễn Văn Hoàng

Hội đồng thi: THPT Như Xuân
Phòng thi số: 07

Scanned with CamScanner

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tó hỏi phách lên điếm:
Cỏ $\mathcal{L}$... TS sửa chữa điếm thuộc về các SBD:

Chức tịch Hội đồng chấm thi

4. Cán bộ kiêm xuất giấy: Nguyễn Văn Hùng

3. Cán bộ kiêm soát độc: Nguyễn Văn Hùng

2. Cán bộ kiêm soát độc: Nguyễn Văn Hùng

1. Cán bộ kiêm soát độc: Nguyễn Văn Hùng

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 6 năm 2014

ĐẠI HỌNG

TRƯỜNG HỢC 2

2

De Nieuw Tuijn

TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9							Kết quả điểm bài thi				Ghi chú						
		Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh					H	H	TB	TB	TB	TB	UT	K	K	Ngữ văn			Toán		Tiếng Anh			
																		Số	Bảng chữ		Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ		
1	261193	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Nguyễn Hữu Lâm	09/06/2009	Nam	THCS THCS Tân Bình	K	TB	5,6	5,0	5,4	6,0					6,0	Sau, tên	135	Một bài làm	41,2	Một bài	DTTS	
2	261194	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Hà Tung Lâm	24/10/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	G	7,5	8,5	7,5	8,3	0,5					45	Bảy bài làm	71,5	Bảy bài làm	41,6	Bảy bài	DTTS
3	261195	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Phạm Mai Lê	30/04/2009	Nữ	THCS THCS Yên Lê	T	G	8,1	9,1	7,8	8,2	0,5					80	Tam, tên	57,5	Năm bài làm	6,4	Sau, tên	DTTS
4	261196	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Vũ Thị Thảo Lê	26/09/2009	Nữ	THCS DTNT Ninh Xuân	T	K	6,5	5,9	5,9	6,8	0,5					9,0	Tam, tên	41,5	Bảy bài làm	2,2	Hai bài	DTTS
5	261197	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Quách Thị Mai Lê	20/04/2009	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	6,8	6,7	5,7	7,1	0,5					6,0	Sau, tên	40	Một bài	2,8	Hai bài	DTTS
6	261198	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lê Thị Hồng Liên	14/11/2009	Nữ	THCS THCS Yên Lê	T	K	7,5	7,3	7,1	7,5	0,5					7,25	Bảy bài làm	47,5	Bảy bài làm	4,4	Bảy bài	DTTS
7	261199	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lê Thị Liên	27/01/2009	Nữ	THCS THCS Cát Tân	T	K	6,3	6,9	5,8	6,7	0,5					5,5	Năm bài	50	Năm bài	11,8	Một bài	DTTS
8	261200	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lê Danh Linh	12/09/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,1	5,0	4,5	5,7						4,5	Bảy bài	45	Năm bài	2,4	Hai bài	DTTS
9	261201	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lê Diệu Linh	17/05/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	G	7,8	9,2	7,7	8,4	0,5					7,5	Bảy bài làm	54,5	Năm bài làm	5,6	Năm bài	DTTS
10	261202	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lê Diệu Linh	09/10/2009	Nữ	THCS THCS Cát Tân	T	K	7,5	7,4	6,2	7,6	0,5					7,0	Bảy, tên	42,5	Bảy bài làm	3,8	Bảy bài	DTTS
11	261203	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lương Gia Linh	12/01/2009	Nữ	THCS THCS Xuân Quý	T	K	7,5	6,7	6,7	7,5						7,5	Bảy, tên	33,5	Bảy bài làm	4,0	Bảy bài	DTTS
12	261204	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Hoàng Thị Hà Linh	13/01/2009	Nữ	THCS THCS Xuân Quý	T	TB	6,0	5,4	6,1	6,1						7,0	Bảy, tên	27,5	Hai bài	2,4	Hai bài	DTTS
13	261205	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lữ Khánh Linh	13/10/2009	Nữ	THCS THCS Xuân Quý	T	K	6,6	6,3	6,8	6,8	0,5					6,0	Sau, tên	37,5	Bảy bài làm	2,8	Hai bài	DTTS
14	261206	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Nguyễn Khánh Linh	13/10/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	G	8,0	7,7	7,1	8,3						7,0	Bảy, tên	4,5	Bảy bài	41,6	Bảy bài	DTTS
15	261207	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Trần Thị Khánh Linh	16/09/2009	Nữ	THCS THCS Xuân Quý	T	K	7,1	5,9	6,7	6,8						6,5	Sau, tên	11,0	Một bài	2,8	Hai bài	DTTS
16	261208	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Vũ Thị Khánh Linh	28/05/2009	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	8,4	7,3	7,4	8,1	0,5					7,5	Bảy bài làm	44,5	Bảy bài làm	3,8	Bảy bài	DTTS
17	261209	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lê Thị Mai Linh	26/03/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	7,8	7,3	7,9	7,7						7,5	Bảy bài làm	42,5	Bảy bài làm	4,2	Bảy bài	DTTS
18	261210	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lê Thị Mai Linh	20/11/2009	Nữ	THCS THCS Yên Lê	T	K	6,2	7,0	6,1	6,8	0,5					6,0	Sau, tên	4,0	Hai, tên	3,0	Bảy bài	DTTS
19	261211	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Nguyễn Hoàng Phương Linh	30/01/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	7,3	6,5	7,5	7,4						7,0	Bảy, tên	4,5	Bảy bài	3,8	Bảy bài	DTTS
20	261212	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Lương Thị Phương Linh	11/09/2009	Nữ	THCS THCS Tân Bình	T	K	6,6	6,0	6,2	6,9	0,5					6,0	Sau, tên	3,0	Bảy bài	3,4	Bảy bài	DTTS
21	261213	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Nguyễn Thị Phương Linh	25/06/2009	Nữ	THCS Xuân Khang	T	K	8,1	6,6	5,7	6,8						7,0	Bảy, tên	3,5	Bảy bài	3,0	Bảy bài	DTTS
22	261214	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Cầm Thị Linh	25/07/2009	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	8,6	6,5	6,4	7,7	0,5					7,5	Bảy bài làm	3,0	Bảy bài	3,6	Bảy bài	DTTS
23	261215	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Nguyễn Thị Linh	09/02/2009	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	5,7	5,9	6,7	7,2	0,5					7,0	Bảy, tên	27,5	Bảy bài	3,4	Bảy bài	DTTS
24	261216	L. Văn	L. Văn	L. Văn	Nguyễn Thị Thuý Linh	18/09/2009	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	8,7	7,6	8,6	8,0						9,0	Tam, tên	37,5	Bảy bài làm	6,2	Sau, tên	

Danh sách coi: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG COI THI

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 6 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD.
Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD.
Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD.
Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD.

Họ tên VA TO TA
Số 1700 2 2 2

Tên bài phát biểu: TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD.
Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD.

1. Cán bộ đọc điểm: Nguyễn Thị Thuý Linh
2. Cán bộ kiểm soát điểm: Nguyễn Thị Thuý Linh
3. Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Thuý Linh
4. Cán bộ kiểm soát ghi: Nguyễn Thị Thuý Linh

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Quốc Cường

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 6 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng chấm thi
Thanh Hóa, ngày 10 tháng 6 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Đỗ Quốc Cường

Đỗ Quốc Cường

TT	SBD	Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi				Ghi chú
		Ngã van	Toán	Tiếng Anh					H	H	TB	TB	TB	TB	UT	K	Số	Ngữ văn	Số	Toán	Số	Tiếng Anh	
1	261217	Viễn	Viễn	Viễn	Phan Thị Trúc Linh	20/03/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	TB	6,4	5,9	6,1	6,7	0,5		5,0	Ngữ văn	17,5	Nội bộ	3,0	Ba bài	DTTS
2	261218	Linh	Linh	Linh	Nguyễn Văn Linh	06/11/2009	Nam	TH&THCS Xuân Quý	T	TB	5,7	5,2	5,7	6,0			6,5	Sau bài	4,5	Hiện	0,8	Không phải	
3	261219	Lâm	Lâm	Lâm	Trần Văn Hoàng Long	21/01/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5,6	5,5	5,8	6,1	0,5		6,5	Ba bài	3,5	Hiện	2,4	Hiện	DTTS
4	261220	Lâm	Lâm	Lâm	Nguyễn Phúc Lộc	22/03/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,7	5,6	5,1	6,0			6,5	Ngữ văn	2,5	Hiện	2,4	Hiện	
5	261221	Lâm	Lâm	Lâm	Lê Văn Lợi	03/11/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	G	7,5	8,2	8,0	8,0			6,5	Ba bài	5,0	Ngữ văn	5,8	Ngữ văn	
6	261222	Lâm	Lâm	Lâm	Phạm Thị Lua	08/09/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	8,0	6,6	5,8	7,3			7,5	Ba bài	5,5	Ngữ văn	2,2	Hiện	
7	261223	Lâm	Lâm	Lâm	Nguyễn Thị Khánh Ly	06/04/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6,0	6,8	6,3	6,9			6,0	Sau bài	3,0	Ba bài	2,4	Hiện	
8	261224	Lâm	Lâm	Lâm	Cao Thị Mai Ly	26/04/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	8,2	7,5	6,7	7,8			6,0	Sau bài	4,5	Ba bài	4,2	Hiện	
9	261225	Lâm	Lâm	Lâm	Hà Thị Ly	03/02/2009	Nữ	TH&THCS Bình Lương	T	K	6,9	6,6	6,4	7,2	0,5		5,0	Ngữ văn	3,0	Ba bài	2,0	Hiện	DTTS
10	261226	Lâm	Lâm	Lâm	Quách Thị Tuyết Mai	16/08/2009	Nữ	THCS Lê Quang Trường - Hoàng Tiến	T	TB	6,3	5,8	5,4	7,0	0,5		7,5	Ba bài	2,5	Hiện	1,4	Nội bộ	DTTS
11	261227	Lâm	Lâm	Lâm	Lê Duy Mạnh	20/01/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	G	7,4	8,0	7,0	8,1			9,0	Ngữ văn	7,5	Ba bài	3,6	Ba bài	DTTS
12	261228	Lâm	Lâm	Lâm	Lê Ngọc Mạnh	13/10/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	K	6,1	6,1	6,5	6,5	0,5		6,5	Sau bài	4,5	Ba bài	0,8	Không phải	DTTS
13	261229	Lâm	Lâm	Lâm	Lương Ngọc Mạnh	26/07/2009	Nam	TH&THCS Bình Lương	T	TB	5,4	5,9	5,7	5,7			3,5	Ba bài	4,5	Ba bài	2,4	Hiện	
14	261230	Lâm	Lâm	Lâm	Quách Văn Mạnh	10/07/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5,7	5,6	5,0	6,2	0,5		3,0	Ba bài	5,0	Ngữ văn	1,2	Nội bộ	DTTS
15	261231	Lâm	Lâm	Lâm	Kim Thị Mân	25/03/2009	Nữ	TH&THCS Thanh Hoà	T	K	6,3	6,5	6,4	6,8	0,5		6,5	Sau bài	4,0	Nội bộ	2,8	Hiện	DTTS
16	261232	Lâm	Lâm	Lâm	Cao Đình Minh	11/08/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	5,4	5,3	5,2	5,6	0,5		5,5	Ngữ văn	2,5	Hiện	1,2	Nội bộ	DTTS
17	261233	Lâm	Lâm	Lâm	Lê Ngọc Minh	24/06/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	7,1	6,4	6,0	6,7			6,0	Sau bài	4,0	Ngữ văn	2,2	Hiện	
18	261234	Lâm	Lâm	Lâm	Lương Thị Minh	19/08/2009	Nữ	TH&THCS Xuân Quý	T	K	7,8	7,5	6,8	8,1			9,5	Ngữ văn	5,0	Ngữ văn	3,2	Ba bài	
19	261235	Lâm	Lâm	Lâm	Nguyễn Thị Minh	10/04/2009	Nữ	THCS Yên Cát	K	TB	6,3	5,5	5,8	6,6			5,5	Ngữ văn	3,5	Ba bài	3,0	Ba bài	
20	261236	Lâm	Lâm	Lâm	Hà Tuệ Minh	22/11/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	7,7	8,8	8,2	8,3	0,5		7,5	Ba bài	4,0	Ba bài	3,2	Ba bài	DTTS
21	261237	Lâm	Lâm	Lâm	Lê Nguyễn Tuệ Minh	13/10/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	9,0	9,7	8,9	9,1			9,5	Ngữ văn	4,5	Ngữ văn	3,4	Ba bài	DTTS
22	261238	Lâm	Lâm	Lâm	Lê Thị Hà My	15/08/2009	Nữ	TH&THCS Bình Lương	T	K	7,4	6,6	6,0	7,1	0,5		5,0	Ngữ văn	5,0	Ngữ văn	2,6	Hiện	DTTS
23	261239	Lâm	Lâm	Lâm	Vũ Thị Hà My	08/04/2009	Nữ	TH&THCS Tân Bình	T	K	7,8	5,8	6,2	6,9	0,5		8,0	Ngữ văn	3,5	Ba bài	2,2	Hiện	DTTS
24	261240	Lâm	Lâm	Lâm	Lê Thảo My	28/03/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	6,7	6,2	6,4	7,1	0,5		7,5	Ba bài	2,5	Hiện	2,4	Hiện	DTTS

Danh sách cử: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG,

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 05 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Quốc Quang

HỘI ĐỒNG COI THI

Có 0 TS sau chữa bài sơ dự thi thuộc về các SBD:

Có 0 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có 0 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Lê Thị Vân

Chủ tịch Hội đồng coi thi

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 05 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tô bài phát hiện điểm:

Có 0 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

Có 0 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

Cán bộ kiểm tra điểm: Nguyễn Xuân Lâm

STT	SBD	Chức vụ dự thi		Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi				Ghi chú
		Ngôn ngữ	Toán					H	H	TB	TB	TB	TB	UT	K	Số	Ngữ văn	Số	Toán	Số	Tiếng Anh	
1	261241	Ng	Ng	Ng	Kim Thị Thảo My	Nữ	TH&THCS Thanh Hoà	T	K	6.0	7.3	6.4	7.0	0.5	5.5	5.5	Sau, uoi v	2.0	Hai tron	2.4	Hai tron	DTIS
2	261242	Ng	Ng	Ng	Lê Trà My	Nữ	THCS Cát Tân	T	TB	5.4	5.3	5.4	6.0	0.5	5.5	5.5	Nay uoi v	1.5	Mot uoi v	2.2	Hai tron	DTIS
3	261243	Ng	Ng	Ng	Lê Thị Trà My	Nữ	TH&THCS Bình Lương	T	TB	6.5	5.4	5.6	6.4	0.5	6.5	6.5	Sau uoi v	1.5	Mot uoi v	2.0	Hai tron	DTIS
4	261244	Ng	Ng	Ng	Quách Thị Mỹ Mỹ	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7.2	6.2	5.7	7.0	0.5	7.0	7.0	Bay tron	3.5	Bai tron	4.2	Hai tron	DTIS
5	261245	Ng	Ng	Ng	Hà Thị Trúc My	Nữ	TH&THCS Bình Lương	T	K	6.8	5.8	6.4	6.8	0.5	4.0	4.0	Bai tron	4.0	Bai tron	1.8	Mot tron	DTIS
6	261246	Ng	Ng	Ng	Hà Thị Lê Na	Nữ	TH&THCS Cát Tân	T	K	6.8	6.5	5.8	6.8	0.5	7.0	7.0	Bay tron	3.0	Bai tron	1.4	Mot tron	DTIS
7	261247	Ng	Ng	Ng	Cao Bảo Nam	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	6.4	6.0	5.8	6.6	0.5	6.5	6.5	Sau uoi v	4.0	Bai tron	1.8	Mot tron	DTIS
8	261248	Ng	Ng	Ng	Nguyễn Thanh Nam	Nam	TH&THCS Cát Tân	T	TB	5.3	6.6	6.4	6.2	0.5	5.5	5.5	Nay tron	2.0	Hai tron	2.2	Hai tron	DTIS
9	261249	Ng	Ng	Ng	Lê Trung Nam	Nam	TH&THCS Xuân Quý	T	TB	6.1	5.0	5.9	6.2		5.5	5.5	Nay tron	5.0	Nay tron	1.8	Mot tron	DTIS
10	261250	Ng	Ng	Ng	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	TH&THCS Cát Tân	T	K	6.8	6.7	6.5	7.1	0.5	7.0	7.0	Bay tron	3.5	Bai tron	2.2	Hai tron	DTIS
11	261251	Ng	Ng	Ng	Lê Danh Nghĩa	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5.4	5.8	5.3	6.0	0.5	5.0	5.0	Nay tron	2.5	Bai tron	1.8	Mot tron	DTIS
12	261252	Ng	Ng	Ng	Nguyễn Phi Nghĩa	Nam	THCS Cát Tân	T	K	6.0	6.5	5.7	6.6		6.5	6.5	Sau uoi v	3.5	Bai tron	2.2	Hai tron	DTIS
13	261253	Ng	Ng	Ng	Hà Bảo Ngọc	Nữ	TH&THCS Xuân Quý	T	K	6.9	5.9	6.4	7.1	0.5	7.5	7.5	Bay tron	3.5	Nay tron	2.6	Hai tron	DTIS
14	261254	Ng	Ng	Ng	Lê Thị Bảo Ngọc	Nữ	TH&THCS Bình Lương	T	TB	7.7	6.7	7.7	7.6		7.0	7.0	Bay tron	5.5	Nay tron	2.4	Hai tron	DTIS
15	261255	Ng	Ng	Ng	Trần Khánh Ngọc	Nữ	TH&THCS Xuân Quý	T	K	7.9	7.0	7.0	7.5		6.5	6.5	Sau tron	5.0	Nay tron	3.0	Bai tron	DTIS
16	261256	Ng	Ng	Ng	Lê Minh Ngọc	Nam	TH&THCS Yên Lê	T	K	6.8	7.0	6.4	8.0	0.5	5.0	5.0	Nay tron	4.5	Bai tron	2.6	Hai tron	DTIS
17	261257	Ng	Ng	Ng	Lê Thị Thanh Ngọc	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7.0	6.8	6.3	7.2	0.5	6.5	6.5	Sau tron	5.0	Nay tron	1.4	Mot tron	DTIS
18	261258	Ng	Ng	Ng	Vũ Văn Ngọc	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	7.0	6.3	5.8	6.9		6.5	6.5	Sau tron	4.5	Bai tron	1.8	Mot tron	DTIS
19	261259	Ng	Ng	Ng	Nguyễn Lê Danh Mạnh Nguyễn	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	6.0	6.4	6.0	6.5	0.5	6.5	6.5	Sau tron	5.0	Nay tron	2.2	Hai tron	DTIS
20	261260	Ng	Ng	Ng	Vũ Văn Nguyễn	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	7.2	6.7	6.1	6.9	0.5	6.0	6.0	Sau tron	4.0	Bai tron	1.4	Mot tron	DTIS
21	261261	Ng	Ng	Ng	Lê Thị Nguyệt	Nữ	THCS Yên Cát	T	TB	5.6	5.5	5.7	6.3	0.5	6.0	6.0	Sau tron	2.0	Hai tron	2.2	Hai tron	DTIS
22	261262	Ng	Ng	Ng	Lê Công Nhật	Nam	TH&THCS Bình Lương	T	K	7.9	6.8	7.4	7.5		5.5	5.5	Nay tron	5.0	Nay tron	2.2	Hai tron	DTIS
23	261263	Ng	Ng	Ng	Nguyễn Duy Nhật	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	4.5	5.0	4.4	5.3		5.5	5.5	Bai tron	4.5	Bai tron	1.8	Mot tron	DTIS
24	261264	Ng	Ng	Ng	Hoàng Huy Nhật	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	6.0	6.7	5.9	6.9	0.5	5.5	5.5	Nay tron	5.0	Nay tron	2.0	Hai tron	DTIS

Danh sách có: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[Signature]

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
[Signature]

HỘI ĐỒNG CỎI THỊ

Có TS của chính hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

HỘI ĐỒNG CHẤM THỊ

Tò nhai pháp tên điểm: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Có TS của chính điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 0

Chủ tịch Hội đồng chấm thi

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[Signature]

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THỊ

[Signature]

[Signature]

TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
		Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh					H	H	TB	TB	TB	TB	UT	K	Số	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
																		Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
1	261265	Nh. Nh. Nh.	Nh. Nh. Nh.	Nh. Nh. Nh.	Nguyễn Lê Nhi	06/04/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	7.3	7.4	7.4	8.0	0.5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		

Danh sách số: 24 thí sinh.

HỘI ĐỒNG COI THI

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Chữ in)

HỘI ĐỒNG COI THI

Môn thi

VA TO TA

ST PPGC

Tổ bài pháp tên điểm:

Có 01 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

261265

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ bài pháp tên điểm:

Có 01 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

261265

1. Cán bộ đọc điểm: Nguyễn Sỹ Thanh
2. Cán bộ kiểm soát đọc: Trần Thị Thuý
3. Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Hùng
4. Cán bộ kiểm soát ghi: Lê Văn Hùng

Chủ tịch Hội đồng chấm thi

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



PHÓ QUẢN ĐỐC

BẢNG CHI TÊN-GHI ĐIỂM DỰ THI

TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh					Điểm					Ngữ Văn					Toán			Tiếng Anh			
									H	H	TB	TB	TB	UT	K	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ				
1	261289	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Lương Triệu Phi	25/03/2009	Nam	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5,8	5,5	5,5	6,0	0,5		5,5	Nguyễn Xuân	3,5	Ba Xuân	2,6	Hai Xuân		DITS	
2	261290	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Vũ Phi	10/04/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	6,5	6,7	6,6	6,7			4,5	Ba Xuân	3,5	Ba Xuân	3,2	Ba Xuân		DITS	
3	261291	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Hà Ngọc Phong	01/01/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	5,6	6,8	6,6	6,7	0,5		3,5	Ba Xuân	2,5	Hai Xuân	2,0	Hai Xuân		DITS	
4	261292	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Lê Nhân Phong	20/05/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	4,8	5,0	5,1	5,6	0,5		4,0	Ba Xuân	0,5	Nhà Xuân	1,4	Nhà Xuân		DITS	
5	261293	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Trần Văn Thiên Phú	05/04/2009	Nam	THCS Yên Cát	K	K	6,5	5,9	6,7	6,8			5,5	Nhà Xuân	4,0	Ba Xuân	2,4	Hai Xuân		DITS	
6	261294	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Lê Hà Phương	15/03/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	K	TB	5,1	5,7	5,1	6,0	0,5		4,5	Nhà Xuân	3,0	Ba Xuân	2,4	Hai Xuân		DITS	
7	261295	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Trương Thị Minh Phương	29/10/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	6,3	6,9	6,6	6,6			5,5	Nhà Xuân	3,5	Ba Xuân	3,4	Ba Xuân		DITS	
8	261296	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Cao Thị Phương	21/10/2009	Nữ	TH&THCS Tân Bình	T	TB	6,1	5,3	6,2	6,3			5,0	Nhà Xuân	3,5	Ba Xuân	2,0	Hai Xuân		DITS	
9	261297	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Đông Thị Phương	23/11/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	6,8	5,8	6,7	6,8			5,0	Nhà Xuân	3,5	Ba Xuân	2,8	Hai Xuân		DITS	
10	261298	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Vũ Thu Phương	27/04/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	6,8	6,0	6,5	6,6			5,5	Nhà Xuân	2,5	Hai Xuân	2,0	Hai Xuân		DITS	
11	261299	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Hoàng Văn Phương	10/08/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5,9	5,5	5,3	6,3	0,5		5,5	Nhà Xuân	2,0	Hai Xuân	1,6	Hai Xuân		DITS	
12	261300	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Lê Đoàn Quang	30/04/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5,9	6,0	5,6	6,2			4,5	Nhà Xuân	4,5	Ba Xuân	1,0	Hai Xuân		DITS	
13	261301	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Hồ Mạnh Quang	13/12/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	7,5	7,4	7,5	7,8			5,0	Nhà Xuân	6,0	Sau Xuân	5,4	Nhà Xuân		DITS	
14	261302	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Nguyễn Anh Quân	08/11/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	6,3	5,7	5,8	6,6			5,0	Nhà Xuân	3,0	Ba Xuân	3,6	Ba Xuân		DITS	
15	261303	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Trần Văn Anh Quân	21/06/2009	Nam	THCS Cát Tân	K	TB	5,3	5,1	5,0	5,7	0,5		4,5	Nhà Xuân	4,0	Hai Xuân	1,6	Hai Xuân		DITS	
16	261304	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Lê Đình Quân	21/03/2009	Nam	TH&THCS Xuân Quý	T	TB	5,5	4,3	5,7	5,6			4,5	Nhà Xuân	3,0	Ba Xuân	0,8	Hai Xuân		DITS	
17	261305	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Bùi Hoàng Quân	04/02/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	7,1	7,3	7,0	7,4	0,5		5,5	Nhà Xuân	3,5	Ba Xuân	2,8	Hai Xuân		DITS	
18	261306	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Lê Quang Mạnh Quân	16/05/2009	Nam	TH&THCS Cát Tân	T	TB	5,4	5,7	5,4	6,1	0,5		4,0	Nhà Xuân	3,5	Ba Xuân	1,6	Hai Xuân		DITS	
19	261307	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Cao Minh Quân	18/01/2008	Nam	THCS Cát Tân	K	TB	5,4	5,9	5,6	5,7			4,5	Nhà Xuân	3,5	Ba Xuân	2,8	Hai Xuân		DITS	
20	261308	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Đinh Văn Quân	14/07/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,2	5,0	4,2	5,5	0,5		6,0	Sau Xuân	0,5	Ba Xuân	2,0	Hai Xuân		DITS	
21	261309	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Lê Văn Quân	01/01/2009	Nam	TH&THCS Bình Lương	T	TB	6,4	5,4	5,5	6,4	0,5		3,0	Ba Xuân	1,5	Hai Xuân	2,4	Hai Xuân		DITS	
22	261310	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Lê Văn Quân	07/05/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	5,8	5,6	5,4	5,9	0,5		4,5	Nhà Xuân	2,5	Hai Xuân	1,8	Hai Xuân		DITS	
23	261311	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Nguyễn Văn Quân	16/02/2009	Nam	TH&THCS Cát Tân	T	TB	5,7	5,9	5,4	6,4	0,5		4,5	Nhà Xuân	2,5	Hai Xuân	1,8	Hai Xuân		DITS	
24	261312	Phạm Thị	Phạm Thị	Phạm Thị	Nguyễn Văn Quân	08/06/2009	Nam	THCS Yên Cát	K	TB	6,0	6,0	6,2	7,0			6,25	Sau Xuân	2,0	Hai Xuân	2,0	Hai Xuân		DITS	

Danh sách số: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT NHƯ XUÂN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Có 02 TS vừa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD:

Có 02 TS vừa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có 02 TS vừa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có 02 TS vừa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có 02 TS vừa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có 02 TS vừa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

(Chữ ký và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội chấm điểm:

Có 02 TS vừa chữa điểm thuộc về các SBD:

Có 02 TS vừa chữa điểm thuộc về các SBD:

Có 02 TS vừa chữa điểm thuộc về các SBD:

Có 02 TS vừa chữa điểm thuộc về các SBD:

Có 02 TS vừa chữa điểm thuộc về các SBD:

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

(Chữ ký và ghi rõ họ tên)

BẢNG CHI TÊN- CHI ĐIỂM DỰ THI

Hội đồng thi: THPT Như Xuân
Phòng thi số: 14

TT	SBD	Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9					Điểm		Kết quả điểm bài thi				Ghi chú		
		Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh					H K	H L	TB VA	TB TO	TB TA	TB M	UT	K	K	Số	Ngữ văn Bảng chữ		Số	Toán Bảng chữ
1	261313	Nguyễn Văn Tuấn	Nguyễn Văn Tuấn	Nguyễn Văn Tuấn	07/08/2009	Nam	THCS Hoà Quý	K	TB	5.0	5.0	5.0	5.6			3.0	Ba. Văn	3.0	Điểm. Toán	1.8	Mặt. Toán	
2	261314	Vị Văn Tuấn	Vị Văn Tuấn	Vị Văn Tuấn	17/07/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	5.2	5.0	4.8	5.7	0.5		5.5	Nhân. Văn	1.5	Mặt. Toán	1.6	Thi. Toán	DTTS
3	261315	Lê Hữu Bảo Quốc	Lê Hữu Bảo Quốc	Lê Hữu Bảo Quốc	07/11/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	5.6	7.1	6.2	7.1			4.5	Bản. Văn	5.5	Nhân. Văn	4.8	Bản. Toán	
4	261316	Lê Thị Như Quỳnh	Lê Thị Như Quỳnh	Lê Thị Như Quỳnh	28/04/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	7.3	7.4	6.4	7.2	0.5		5.5	Nhân. Văn	5.0	Nhân. Văn	2.0	Thi. Toán	DTTS
5	261317	Nguyễn Thị Thảo Quỳnh	Nguyễn Thị Thảo Quỳnh	Nguyễn Thị Thảo Quỳnh	26/01/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	TB	5.1	5.9	6.1	6.2			3.0	Ba. Văn	5.0	Nhân. Văn	1.4	Mặt. Toán	
6	261318	Lê Thị Quỳnh	Lê Thị Quỳnh	Lê Thị Quỳnh	18/09/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6.2	7.0	6.0	6.9			4.5	Bản. Văn	3.0	Bản. Toán	2.8	Mặt. Toán	
7	261319	Lê Thị Thuý Quỳnh	Lê Thị Thuý Quỳnh	Lê Thị Thuý Quỳnh	23/09/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	TB	6.3	5.7	6.5	6.9			4.5	Bản. Văn	4.0	Bản. Toán	1.8	Mặt. Toán	DTTS
8	261320	Lê Tuyết Quỳnh	Lê Tuyết Quỳnh	Lê Tuyết Quỳnh	12/08/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	TB	5.2	5.5	5.2	5.9	0.5		5.0	Nhân. Văn	1.5	Mặt. Văn	1.6	Mặt. Toán	
9	261321	Trương Đình Anh Sơn	Trương Đình Anh Sơn	Trương Đình Anh Sơn	20/12/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5.6	5.7	5.2	5.9			5.5	Nhân. Văn	3.5	Bản. Toán	1.8	Mặt. Toán	
10	261322	Lê Minh Sơn	Lê Minh Sơn	Lê Minh Sơn	09/01/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5.9	6.2	5.8	6.4	0.5		4.0	Bản. Văn	3.0	Bản. Toán	1.8	Mặt. Toán	DTTS
11	261323	Lê Hữu Hải Sư	Lê Hữu Hải Sư	Lê Hữu Hải Sư	01/12/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5.0	5.3	5.1	5.4	0.5		3.5	Ba. Văn	4.0	Bản. Toán	1.4	Mặt. Toán	DTTS
12	261324	Nguyễn Văn Sư	Nguyễn Văn Sư	Nguyễn Văn Sư	02/02/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	5.3	5.3	5.1	5.9			5.5	Nhân. Văn	4.0	Bản. Toán	1.2	Mặt. Toán	
13	261325	Nguyễn Tiến Tài	Nguyễn Tiến Tài	Nguyễn Tiến Tài	15/02/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	7.1	6.1	5.7	6.6	0.5		6.0	Bản. Văn	5.0	Nhân. Văn	1.8	Mặt. Toán	DTTS
14	261326	Trương Đình Tâm	Trương Đình Tâm	Trương Đình Tâm	10/01/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	6.3	5.5	5.2	6.6	0.5		6.5	Nhân. Văn	4.0	Bản. Toán	1.8	Mặt. Toán	DTTS
15	261327	Nguyễn Khắc Tâm	Nguyễn Khắc Tâm	Nguyễn Khắc Tâm	08/10/2008	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5.3	5.5	5.5	6.0			5.0	Nhân. Văn	4.5	Bản. Toán	1.6	Mặt. Toán	DTTS
16	261328	Nguyễn Hân Thái	Nguyễn Hân Thái	Nguyễn Hân Thái	23/02/2009	Nam	THCS Bình Lương	T	K	6.8	6.3	5.6	6.9	0.5		5.0	Nhân. Văn	3.5	Bản. Toán	1.8	Mặt. Toán	DTTS
17	261329	Bùi Lương Mương Thái	Bùi Lương Mương Thái	Bùi Lương Mương Thái	10/06/2009	Nữ	THCS Tân Bình	T	TB	6.1	5.6	5.7	6.3	0.5		5.5	Nhân. Văn	4.0	Bản. Toán	1.6	Mặt. Toán	DTTS
18	261330	Đinh Đình Quốc Thái	Đinh Đình Quốc Thái	Đinh Đình Quốc Thái	16/12/2009	Nam	THCS Bình Lương	T	K	7.2	6.9	6.1	6.9	0.5		5.0	Nhân. Văn	4.5	Bản. Toán	1.6	Mặt. Toán	DTTS
19	261331	Hoàng Văn Quốc Thái	Hoàng Văn Quốc Thái	Hoàng Văn Quốc Thái	30/10/2009	Nam	THCS Thăng Long	T	K	7.1	5.1	6.3	6.8			6.0	Bản. Văn	5.5	Nhân. Văn	1.4	Mặt. Toán	
20	261332	Bùi Việt Thái	Bùi Việt Thái	Bùi Việt Thái	02/12/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	6.3	6.1	5.7	6.5	0.5		5.5	Nhân. Văn	4.0	Bản. Toán	1.8	Mặt. Toán	DTTS
21	261333	Nguyễn Duy Thanh	Nguyễn Duy Thanh	Nguyễn Duy Thanh	01/06/2009	Nam	THCS Xuân Quý	T	TB	5.6	4.5	5.4	5.7			5.5	Nhân. Văn	4.5	Bản. Toán	1.0	Mặt. Toán	
22	261334	Bùi Văn Thành	Bùi Văn Thành	Bùi Văn Thành	20/02/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5.9	6.4	5.0	6.6	0.5		6.5	Nhân. Văn	5.0	Nhân. Văn	1.4	Mặt. Toán	DTTS
23	261335	Lê Văn Thành	Lê Văn Thành	Lê Văn Thành	09/09/2009	Nam	THCS Yên Lê	T	TB	5.5	5.7	5.3	5.9	0.5		5.0	Nhân. Văn	3.0	Bản. Toán	1.2	Mặt. Toán	DTTS
24	261336	Nguyễn Văn Thành	Nguyễn Văn Thành	Nguyễn Văn Thành	20/11/2009	Nam	THCS Thương Ninh	K	TB	5.9	5.9	5.5	6.3			6.5	Nhân. Văn	3.5	Bản. Toán	1.0	Mặt. Toán	

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



TRƯỞNG
ĐẠI CHI ĐỘI

Có 0 TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD:
Có 0 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:
Có 0 TS sửa chữa điểm khuyến khích thuộc về các SBD:
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Nguyễn Văn Thành
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Nguyễn Văn Thành
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 3: Nguyễn Văn Thành

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội chấm thi gồm:
Có 0 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

1. Cán bộ đề điểm: Nguyễn Văn Thành
2. Cán bộ kiểm soát: Nguyễn Văn Thành
3. Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Thành
4. Cán bộ kiểm soát: Nguyễn Văn Thành

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



TRƯỞNG
ĐẠI CHI ĐỘI

STT	SBD	Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh					H L	H VA	TB TO	TB TA	TB M	UT	K K	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh					
																Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số				
1	361361	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	14/02/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,8	6,6	5,7	7,2			5,5	Năm học	3,5	Ba học	2,0	Thái học			
2	361362	Trần Thị Thuý	Trần Thị Thuý	Trần Thị Thuý	Hà Thị Thuý	18/03/2009	Nữ	THCS Cán Khê	T	K	6,4	5,8	7,1	7,0	0,5			6,5	Sau học	2,5	Thái học	2,0	Ba học		
3	361363	Trần Thị Thuý	Trần Thị Thuý	Trần Thị Thuý	Hà Thị Thuý	11/11/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	TB	5,5	6,0	5,5	6,6	0,5			3,0	Ba học	4,0	Phân học	3,0	Ba học		
4	361364	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	06/03/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	7,7	6,6	6,5	7,3	0,5			5,0	Năm học	4,5	Phân học	2,0	Thái học		
5	361365	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	08/09/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	8,8	9,2	9,4	8,9	0,5			7,5	Bảng chữ	7,0	Bảng chữ	9,0	Chữ học		
6	361366	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	07/12/2009	Nam	THCS Cán Khê	T	TB	5,6	5,6	5,8	6,2	0,5			5,5	Năm học	3,5	Thái học	2,0	Thái học		
7	361367	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	10/06/2009	Nam	THCS Yên Cát	K	K	7,2	6,5	6,5	7,1				6,0	Sau học	4,0	Phân học	4,0	Phân học		
8	361368	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	09/08/2009	Nam	THCS Yên Cát	K	K	6,8	6,0	6,3	6,7	0,5			5,5	Năm học	2,5	Thái học	2,2	Thái học		
9	361369	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Hoàng Văn Toàn	23/05/2009	Nam	THCS Cán Khê	T	K	7,4	6,1	6,6	7,2				8,5	Năm học	3,5	Ba học	6,0	Sau học		
10	361370	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Lê Thị Mai Trang	23/09/2009	Nữ	THCS Cán Khê	T	K	8,6	6,8	7,3	7,8	0,5			9,0	Thái học	3,5	Ba học	4,4	Phân học		
11	361371	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	03/03/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	7,0	7,0	6,8	7,2				7,5	Bảng chữ	4,0	Phân học	3,0	Ba học		
12	361372	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Lê Thị Huyền Trang	28/06/2009	Nữ	THCS Xuân Hoà	T	G	8,5	8,1	7,0	8,1				9,5	Thái học	6,5	Sau học	5,0	Ba học		
13	361373	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Trương Thị Kiều Trang	10/08/2009	Nữ	THCS Cán Khê	T	TB	6,1	5,6	6,1	6,3				6,5	Sau học	2,0	Thái học	2,0	Thái học		
14	361374	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Bùi Thị Mai Trang	13/03/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	TB	5,7	5,6	5,8	6,9	0,5			5,5	Năm học	2,5	Thái học	2,0	Thái học		
15	361375	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Bùi Thị Mai Trang	02/08/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	TB	6,4	5,9	5,6	7,0	0,5			6,5	Sau học	4,0	Phân học	4,4	Thái học		
16	361376	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Mai Trang	05/11/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7,6	5,9	5,8	6,6				7,0	Bảng chữ	3,0	Ba học	3,0	Ba học		
17	361377	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Vũ Quỳnh Trang	20/05/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	8,3	6,9	7,1	7,7	0,5			7,0	Bảng chữ	5,5	Năm học	5,8	Ba học		
18	361378	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Lê Thị Trang	16/03/2009	Nữ	THCS Cán Khê	T	TB	6,9	5,2	5,5	6,3				7,0	Bảng chữ	3,5	Ba học	5,2	Ba học		
19	361379	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Hoàng Thị Trang	02/09/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	8,1	7,2	6,4	7,3				6,5	Sau học	2,5	Thái học	5,2	Ba học		
20	361380	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Lê Bảo Trâm	13/11/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	TB	6,3	5,8	5,7	6,8	0,5			4,0	Bảng chữ	2,5	Thái học	2,8	Thái học		
21	361381	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Lê Thị Bảo Trâm	10/01/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7,5	6,1	6,3	6,9	0,5			6,5	Sau học	2,0	Thái học	3,0	Ba học		
22	361382	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Bùi Thị Ngọc Trâm	06/10/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	G	8,0	7,8	8,3	8,0	0,5			7,0	Bảng chữ	4,5	Phân học	4,0	Thái học		
23	361383	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Trần Quỳnh Trâm	22/08/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	TB	6,1	6,2	6,1	6,5	0,5			5,5	Năm học	4,5	Thái học	2,0	Thái học		
24	361384	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Thị Trâm	26/02/2009	Nữ	THCS Cán Khê	T	K	7,1	6,4	7,3	7,3	0,5			6,0	Sau học	4,5	Phân học	3,4	Thái học		

Bảng sách số: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 6 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



THCS THƯƠNG NINH

Có... TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD:
Có... TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:
Có... TS sửa chữa khuyến khích thuộc về các SBD:
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: ...
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: ...

Thanh Hóa, ngày... tháng... năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng coi thi

HỘI ĐỒNG COI THI

Môn thi	VA	TO	TA
Cử trường			
Cử VP/CĐ			

Tổ hành pháp lên điểm:

Có... TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

1. Cán bộ đọc điểm: ...
2. Cán bộ kiểm soát đọc: ...
3. Cán bộ ghi điểm: ...
4. Cán bộ kiểm soát ghi: ...
Chủ tịch Hội đồng chấm thi

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 6 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Bộ Giám sát

STB	Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
	Người văn	Toán	Tiếng Anh					H	H	TB VA	TB TO	TB TA	TB M	UT	K	Ngữ văn		Toán		Tiếng Anh				
																Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số			
361335	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Hà Thị Tuyết Trâm	18/05/2009	Nữ	TH&THCS Bình Lương	T	K	7,5	7,5	7,3	7,9	0,5	70	Ngữ văn	42,5	Điểm Toán	4,6	Ngữ Anh	DTTS			
361336	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lê Ngọc Trâm	13/03/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	7,8	8,7	7,3	8,3		80	Từ vựng	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS			
361337	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Nguyễn Văn Tuấn	13/05/2009	Nam	TH&THCS Yên Lê	T	TB	6,3	6,2	5,6	6,4	0,5	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361338	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lê Văn Trí	05/03/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6,4	6,6	6,0	6,7	0,5	55	Ngữ văn	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS			
361339	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Nguyễn Dương Đức Trọng	09/09/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	6,5	6,7	6,3	6,8		60	Ngữ văn	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS			
361340	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lê Đức Trọng	12/08/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	5,6	6,7	5,9	6,5		47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361341	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Phùng Khắc Trọng	23/04/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	6,0	5,6	5,2	6,4	0,5	65	Ngữ văn	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS			
361342	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Bùi Phương Trúc	22/12/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	TB	5,5	5,9	5,1	6,6	0,5	60	Ngữ văn	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS			
361343	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Trần Thị Trúc	10/01/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,4	6,2	6,3	7,2		65	Ngữ văn	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS			
361344	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Đào Bá Hoàng Trung	19/09/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	G	7,6	8,8	7,2	8,4		75	Ngữ văn	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS			
361345	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Nguyễn Việt Trung	21/09/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	8,0	7,4	6,6	7,1		60	Ngữ văn	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS			
361346	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Nguyễn Hoàng Trường	06/07/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,7	5,1	5,2	5,9		55	Ngữ văn	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS			
361347	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lê Đức Anh Tuấn	04/09/2009	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	TB	5,8	5,3	5,0	6,1	0,5	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361348	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Phan Văn Anh Tuấn	11/09/2009	Nam	THCS Hoà Quý	K	TB	4,8	5,0	4,2	5,0		37,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361349	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Doãn Tuấn	09/12/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	G	8,0	8,8	7,6	8,3		75	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361400	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lê Đình Mạnh Tuấn	28/06/2009	Nam	TH&THCS Xuân Quý	T	TB	6,5	4,9	5,8	6,2		60	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361401	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Nguyễn Tài Tuấn	13/09/2009	Nam	THCS Thương Ninh	T	K	6,5	6,4	5,4	6,8		60	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361402	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lương Thanh Tuấn	06/05/2009	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5,7	6,2	5,9	6,1	0,5	47,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361403	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lương Hoàng Gia Tuệ	05/03/2009	Nữ	TH&THCS Xuân Quý	T	K	8,1	7,7	7,4	7,9		75	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361404	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lê Hữu Tuấn	11/02/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	G	7,9	8,4	8,8	8,2	0,5	60	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361405	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Hoàng Công Tuấn	25/08/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	5,2	5,1	4,6	5,5		50	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361406	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Hồ Duy Tuấn	11/01/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	6,3	6,0	6,7	6,4		65	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361407	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lê Anh Tuấn	09/09/2009	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	5,9	5,7	5,7	6,1		77,5	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					
361408	Nguyễn Văn Tuấn	Trần Tuấn	Trần Tuấn	Lê Thiên Tuấn	01/01/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	7,6	6,3	6,1	7,1	0,5	75	Điểm Toán	4,6	Điểm Anh	DTTS					

Đánh sách có: 24 thí sinh.

HỘI ĐỒNG CỎI THI

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Hành Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tổ phó phân phát đề thi:
Cổ - D - TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

Cổ - D - TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:
Cổ - D - TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:
Cổ - D - TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:
Cổ - D - TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

Chủ tịch Hội đồng chấm thi:
Thanh Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng coi thi:
Thanh Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng chấm thi:
Thanh Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 2024
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG THPT NHƯ XUÂN
CƠ QUAN QUẢN LÝ

TRƯỜNG THPT NHƯ XUÂN
CƠ QUAN QUẢN LÝ

TRƯỜNG THPT NHƯ XUÂN
CƠ QUAN QUẢN LÝ

STT	Chiết kỳ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi				Ghi chú						
	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh												Điểm													
								H	II	TB	TB	TB	TB	UT	K	Số	Ngữ văn	Toán	Số	Tiếng Anh								
																K	L	VA	TO	TA	M	K	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ
361409	Đào	Đào	Đào	Lê Công Tuấn Tú	20/10/2009	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	K	6,9	7,8	5,5	6,9	0,5				50	Năm học	5,5	Năm học	2,0	Mặt phẳng, Số	ĐTTS				
361410	Đào	Đào	Đào	Hà Văn Tú	28/07/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	4,8	5,0	5,3	5,4	0,5				33,5	Ba bài bình	4,0	Mặt phẳng	1,8	Mặt phẳng	ĐTTS				
361411	Đào	Đào	Đào	Lê Ngọc Tường	14/07/2009	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5,8	5,3	5,0	5,9	0,5				43,5	Ba bài bình	4,5	Mặt phẳng	1,8	Mặt phẳng	ĐTTS				
361412	Đào	Đào	Đào	Lương Văn Anh Từ	07/08/2009	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5,3	5,8	5,5	5,9	0,5				33,5	Ba bài bình	4,0	Mặt phẳng	2,0	Mặt phẳng	ĐTTS				
361413	Đào	Đào	Đào	Phạm Hồng Tuyên	24/03/2009	Nam	TH&THCS Bình Lương	T	K	6,4	6,8	6,8	6,9					33,5	Ba bài bình	4,0	Mặt phẳng	2,4	Mặt phẳng	ĐTTS				
361414	Đào	Đào	Đào	Vũ Anh Tuyết	11/10/2009	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5,5	5,3	5,5	5,9	0,5				63,5	Sau bài bình	5,0	Năm học	2,0	Mặt phẳng	ĐTTS				
361415	Đào	Đào	Đào	Nguyễn Đức Uy	15/07/2009	Nam	TH&THCS Xuân Quý	T	TB	6,0	5,2	5,6	5,8					53,5	Năm học	4,0	Mặt phẳng	1,4	Mặt phẳng	ĐTTS				
361416	Đào	Đào	Đào	Lương Thị Hà Uyên	29/03/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,7	6,8	6,7	7,4	0,5				40	Ba bài bình	4,0	Mặt phẳng	1,6	Mặt phẳng	ĐTTS				
361417	Đào	Đào	Đào	Trương Thị Hà Uyên	15/05/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	7,1	6,0	6,6	6,9	0,5				40	Ba bài bình	4,0	Mặt phẳng	1,6	Mặt phẳng	ĐTTS				
361418	Đào	Đào	Đào	Lê Thị Lâm Uyên	20/07/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7,7	7,1	6,3	7,6	0,5				60	Sau bài bình	5,5	Năm học	2,2	Mặt phẳng	ĐTTS				
361419	Đào	Đào	Đào	Lê Thái Uyên	07/05/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	TB	5,9	6,1	5,8	6,5	0,5				60	Sau bài bình	4,0	Mặt phẳng	1,6	Mặt phẳng	ĐTTS				
361420	Đào	Đào	Đào	Lê Thị Thảo Uyên	02/05/2009	Nữ	TH&THCS Xuân Quý	T	TB	6,0	5,3	5,8	6,1	0,5				65	Sau bài bình	4,0	Mặt phẳng	1,6	Mặt phẳng	ĐTTS				
361421	Đào	Đào	Đào	Bùi Thị Tố Uyên	27/08/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,1	6,6	5,6	6,8	0,5				55	Năm học	3,5	Mặt phẳng	1,6	Mặt phẳng	ĐTTS				
361422	Đào	Đào	Đào	Nguyễn Thị Tố Uyên	08/03/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6,8	5,9	5,5	6,8	0,5				43,5	Ba bài bình	4,0	Mặt phẳng	1,8	Mặt phẳng	ĐTTS				
361423	Đào	Đào	Đào	Nguyễn Thị Tú Uyên	10/01/2009	Nữ	TH&THCS Xuân Quý	T	TB	5,9	5,3	6,1	6,3					53,5	Năm học	4,0	Mặt phẳng	1,6	Mặt phẳng	ĐTTS				
361424	Đào	Đào	Đào	Lê Thị Vân	05/04/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7,0	6,1	6,3	7,0					60	Sau bài bình	4,0	Mặt phẳng	2,2	Mặt phẳng	ĐTTS				
361425	Đào	Đào	Đào	Trần Thị Vân	25/12/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7,4	6,3	6,0	7,0	0,5				60	Sau bài bình	3,5	Mặt phẳng	2,2	Mặt phẳng	ĐTTS				
361426	Đào	Đào	Đào	Bùi Bảo Vy	01/01/2009	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	K	6,8	7,1	5,4	7,0	0,5				52,5	Năm học	4,5	Mặt phẳng	2,8	Mặt phẳng	ĐTTS				
361427	Đào	Đào	Đào	Lục Thị Hà Vy	05/12/2009	Nữ	THCS Cát Tân	T	TB	5,6	5,6	5,8	6,1	0,5				43,5	Ba bài bình	4,0	Mặt phẳng	1,8	Mặt phẳng	ĐTTS				
361428	Đào	Đào	Đào	Đường Thị Triệu Vy	25/10/2009	Nữ	THCS Xuân Khang	T	K	7,4	7,3	7,9	7,6					40	Ba bài bình	5,0	Năm học	3,2	Mặt phẳng	ĐTTS				
361429	Đào	Đào	Đào	Lê Lương Tường Vy	16/12/2009	Nữ	THCS Hoà Quý	T	TB	5,9	6,0	5,8	6,5	0,5				43,5	Ba bài bình	4,5	Mặt phẳng	2,4	Mặt phẳng	ĐTTS				
361430	Đào	Đào	Đào	Nguyễn Ngọc Việt	20/06/2009	Nam	TH&THCS Tân Bình	K	TB	5,5	4,8	5,5	5,1					60	Sau bài bình	4,0	Mặt phẳng	1,6	Mặt phẳng	ĐTTS				
361431	Đào	Đào	Đào	Đỗ Văn Việt	10/09/2009	Nam	THCS DNTT Như Xuân	T	TB	5,5	5,0	5,4	6,2	0,5				65	Sau bài bình	3,5	Mặt phẳng	1,0	Mặt phẳng	ĐTTS				
361432	Đào	Đào	Đào	Trần Công Vinh	02/07/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6,5	5,9	5,6	6,6					60	Sau bài bình	3,5	Mặt phẳng	1,0	Mặt phẳng	ĐTTS				

HỘI ĐỒNG COI THI

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CHỖ CHỮ TRƯỞNG

CHỖ CHỮ PHÓ TRƯỞNG

CHỖ CHỮ THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội chấm điểm:

Có TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1:

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2:

Chủ tịch Hội đồng coi thi

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 6 năm 2024

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CHỖ CHỮ TRƯỞNG

CHỖ CHỮ PHÓ TRƯỞNG

CHỖ CHỮ THÀNH VIÊN

Đề Thi

Đề Thi

Đề Thi

BẢNG CHỈ TIÊN-CHỈ ĐIỂM DỰ THI										TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT (2024-2025)												
Chức vụ dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9						Kết quả điểm bài thi						Ghi chú			
Ngã vắn	Toán	Tiếng Anh					H K	H L	TB VA	TB TO	TB TA	TB M	UT K	K K	Số	Ngã vắn		Toán		Tiếng Anh		
																Bảng chữ	Số	Bảng chữ		Số	Bảng chữ	Số
Vinh	Vinh	Vinh	Lê Đình Vinh	28/04/2009	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	5.4	6.6	6.6	6.5	0.5	325	Pha đại lưu	325	Pha đại lưu	22	Hà Mai	DTTS		
Yên	Yên	Yên	Đoàn Sỹ Vinh	25/06/2009	Nam	THCS THCS Tân Bình	T	K	6.8	6.4	5.8	6.7		50	Nhân thn	625	Sau đại lưu	26	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Nguyễn Xuân Vinh	09/09/2009	Nam	THCS THCS Bình Lương	T	TB	5.9	6.1	6.1	6.1	0.5	45	Bn, đại	45	Mặt nước	26	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Lê Đình Vũ	21/08/2009	Nam	THCS THPT Như Xuân	T	K	7.2	5.7	6.4	6.9	0.5	60	Sau, đại	525	Nhân đại lưu	48	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Nguyễn Duy Vũ	29/10/2009	Nam	THCS THCS Bình Lương	T	TB	6.3	6.2	6.5	6.7	0.5	215	Hà đại lưu	35	Pha đại	22	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Nguyễn Hoàng Vũ	05/02/2009	Nam	THCS THCS Yên Lê	T	K	7.5	7.4	5.8	7.0	0.5	50	Nhân thn	475	Pha đại lưu	54	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Lê Minh Vũ	23/10/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	G	7.6	8.8	8.1	8.4		425	Pha đại lưu	575	Nhân đại lưu	58	Nhân Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Nguyễn Lê Hà Vy	14/10/2009	Nữ	THCS Xuân Hoà	T	K	7.2	6.3	5.4	7.1	0.5	535	Nhân đại lưu	4.5	Pha đại	44	Pha đại	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Đông Hà Vy	27/12/2009	Nữ	THCS THCS Yên Lê	T	K	6.4	6.6	6.2	6.9	0.5	45	Bn, đại	20	Hà Mai	28	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Nguyễn Hoài Vy	04/03/2009	Nữ	THCS THCS Bình Lương	T	G	8.6	8.7	8.5	9.1		55	Nhân đại	70	Pha đại	54	Nhân Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Lương Triệu Vy	23/01/2009	Nữ	THCS THCS Xuân Quý	T	K	7.0	6.1	5.8	7.0		45	Bn, đại	50	Nhân đại	28	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Lê Tường Vy	03/01/2009	Nữ	THCS THCS Xuân Quý	T	K	7.3	5.8	6.2	7.0		65	Sau đại lưu	525	Nhân đại lưu	50	Pha đại	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Đại Lương Tường Vy	23/08/2009	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7.0	5.5	6.0	6.9	0.5	75	Bn, đại	20	Hà Mai	28	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Quách Phan Tường Vy	21/04/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	7.9	7.1	6.9	7.6	0.5	65	Sau đại lưu	525	Nhân đại lưu	54	Pha đại	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Lê Đình Tuấn Vy	01/12/2009	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5.7	5.3	5.7	6.1	0.5	625	Sau đại lưu	20	Hà Mai	28	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Nguyễn Như Xuân	13/07/2009	Nữ	THCS THCS Yên Lê	T	K	6.9	8.2	7.5	7.8		625	Sau đại lưu	525	Nhân đại lưu	48	Pha đại	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Lê Thị Xuân	20/12/2009	Nữ	THCS THCS Bình Lương	T	K	7.2	6.1	6.8	7.1	0.5	525	Nhân đại lưu	25	Hà Mai	28	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Trần Bảo Yên	25/06/2009	Nữ	THCS Thương Ninh	T	K	6.4	6.6	5.7	7.0		60	Sau, đại	475	Pha đại	28	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Lê Nguyễn Hải Yên	21/08/2009	Nữ	THCS THCS Cát Vân	T	K	8.6	6.7	6.4	7.3	0.5	90	Sau, đại	35	Pha đại	28	Hà Mai	DTTS		
Vinh	Vinh	Vinh	Cầm Ngự Yên	08/03/2009	Nữ	THCS THCS Cát Vân	T	K	7.2	6.4	6.8	7.2	0.5	75	Pha đại	325	Pha đại	28	Hà Mai	DTTS		

Ấn sách chỉ: 20 thí sinh.

HỘI ĐỒNG CỎI THI

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Ấn Họa, ngày 10 tháng 6 năm 2024

Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD

Tổ hội pháp lên điểm:

Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD

Ấn Họa, ngày 10 tháng 6 năm 2024

Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD

Ấn Họa, ngày 10 tháng 6 năm 2024

Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD

Ấn Họa, ngày 10 tháng 6 năm 2024

Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD

Ấn Họa, ngày 10 tháng 6 năm 2024

Có TS của nhà trường về dự thi thuộc về các SBD